TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2023 *v/v "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Ky
Bà Trương Thị Minh Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Đắc Quốc Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 và quyết định hõan phiên tòa số: 34/2022/QĐHPT - HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn L**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xóm 9, xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Đinh D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: xóm 9, xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày: Bà và ông Đinh D tự nguyên sống chung với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 16/12/1997.

Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đinh D không lo làm ăn từ đó vợ chồng bất đồng quan

điểm, không tin tưởng nhau. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần hòa giải hàn gắn, nhưng càng về sau mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Từ năm 2015 đến nay, bà và ông Đinh D sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, có hàn gắn cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với với ông Đinh D.

- Về con chung: Ông, bà có có 01 người con chung tên Đinh Tr, sinh ngày 20/10/1997 đã trưởng thành.

- Về tài sản và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đinh D: theo biên bản xác minh tại thôn 01, xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì ông Đinh D có hộ khẩu thường trú tại xóm 9, xã M, huyện Tuy Phong. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Đinh D theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Đinh D vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đinh D không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh D, do đó đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đinh D có nơi cư

trú tại xóm 9, xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Đinh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh D theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn L và ông Đinh D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn L trình bày ông Đinh D không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Đinh D không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Đinh D không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn L. Quá trình xác minh tại địa phương đều xác định bà Nguyễn L và ông Đinh D không còn chung sống với nhau đã lâu.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn L và ông Đinh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn L.

[3] Về con chung: Ông, bà có có 01 người con chung tên: Đinh Tr, sinh ngày 20/10/1997, đã trưởng thành

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn L là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn L đối với ông Đinh D.

Bà Nguyễn L được ly hôn với ông Đinh D.

3/Về án phí: bà Nguyễn L phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn L đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0016933 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn L đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Lâm Thị Mỹ Kỷ